

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 24-9-2021

V/v ly hôn giữa chị H và anh T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đăng Thanh;

2. Ông Nguyễn Tất Bấy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ca.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 132/2021/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2021 về việc “ ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1980 “Có đơn xin vắng mặt”.

Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1968 “Có đơn xin vắng mặt”.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/4/2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị với anh Lê Văn T kết hôn với nhau vào ngày 05/4/1998. Trước khi kết hôn hai bên có được tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau ngay tại thôn T, xã L. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa hợp hạnh phúc, đến năm 2006, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T th xuyên rượu chè, không chịu làm ăn, gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T không thay đổi còn đánh đập chị. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2009 cho đến nay không còn quan hệ tình cảm cũng như kinh tế. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị giải quyết ly hôn giữa chị và anh Lê Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung: Lê Thiên Hương, sinh ngày 19/5/1999 và Lê Phương Nam, sinh ngày 23/6/2001, Lê Ngọc Linh, sinh ngày

25/11/2002. Hiện nay, cháu Hương và cháu Nam đã trưởng thành, cháu Linh đã chết nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản riêng, chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh xác định về quan hệ hôn nhân, thời gian anh và chị H cưới nhau, về chung sống, cưới có đăng ký kết hôn như lời trình bày trên của chị H là đúng. Trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nhưng cũng chỉ là mâu thuẫn nhỏ dẫn đến vợ chồng hay bất đồng quan điểm, hay cãi nhau. Vợ chồng ly thân nhau kể từ năm 2009 cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định vẫn còn tình cảm với chị H, mong muốn chị H suy nghĩ lại đoàn tụ vợ chồng, nếu chị H vẫn kiên quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung như chị H trình bày là đúng. Anh không đề nghị Tòa án giải quyết do hai cháu đã trưởng thành và một cháu đã chết.

Về tài sản riêng, chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đương sự chấp hành quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 227; 228; 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Lê Văn T.

Về nuôi con chung: Về tài sản chung, công nợ chung Không đặt ra xem xét giải quyết.

Ngoài ra còn đề xuất về án phí và quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Căn cứ vào Điều 28; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang; Tại phiên tòa, nguyên đơn; bị đơn vắng mặt có lý do theo đúng quy định, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] **Về hôn nhân:** Chị H và anh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, khi cưới nhau đảm bảo đúng các điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng chị H và anh T đều xác định có phát sinh mâu thuẫn, luôn bất đồng quan điểm sống và đã ly thân nhau từ năm 2009 không còn quan hệ tình

cảm cũng như kinh tế. Nay quan điểm của anh T đồng ý ly hôn với chị H nếu chị H vẫn cương quyết ly hôn. Do vậy, xác định hôn nhân giữa chị H và anh T đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận đơn khởi kiện của chị H theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] **Về nuôi con chung:** Hiện nay con chung của chị H anh T đều đã trưởng thành, chị H anh T không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] **Về Tài sản riêng, chung; Công nợ chung:** Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] **Về án phí:** Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo đúng quy định tại Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Th vụ Quốc hội.

[6] **Về quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 147; 227; 228; 238; 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Th vụ Quốc hội xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Lê Văn T.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng chị H đã nộp tại biên lai thu số AA/2017/0010267 ngày 14/3/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện LNg;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu: VP và hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Linh

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện LN;
- UBND xã Đông Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu: VP và hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Linh

THÀNH VIÊN HĐXX

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Yên Nguyễn Thị Hoan

Nguyễn Thị Linh

Nơi nhận:

THẨM

- TAND tỉnh Bắc Giang;

TÒA

- VKSND huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện LN;
- UBND xã Cương Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: VP và hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

Nguyễn Thị Linh

THÀNH VIÊN HĐXX

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Chung Nguyễn Thị Hoan

Nguyễn Thị Linh

Nơi nhận:

THẨM

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện LN;
- UBND xã Cẩm Lý;
- Các đương sự;
- Lưu: VP và hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Linh

THÀNH VIÊN HĐXX

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Linh

Nơi nhận:

THẨM

- TAND tỉnh Bắc Giang;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện LN;
- UBND xã Đông Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu: VP và hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Linh